

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
VŨ THỊ THANH HƯƠNG – VŨ THỊ LAN – TRẦN KIM PHƯỢNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TIẾNG VIỆT

4

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÀI 17 CÂY ĐÀ QUÊ HƯƠNG

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Cây đa quê hương*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả của nhân vật xưng “tôi” trong bài, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.
b. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây đa, nhận biết được vẻ đẹp của cây đa và vẻ đẹp của làng quê Việt Nam qua lời miêu tả. Hiểu tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết của tác giả đối với cây đa, đối với quê hương qua những kỉ niệm được nhắc nhớ trong bài.
2. Nhận biết được trạng ngữ chỉ phương tiện của câu, hiểu trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin về phương tiện của sự việc được nói đến trong câu.
3. Nhận biết được cách viết bài văn tả cây cối: bố cục bài văn, trình tự miêu tả cây (miêu tả đặc điểm từng bộ phận của cây, ...).
4. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những cảnh vật thân thuộc của quê hương, biết đồng cảm với tình yêu quê hương của nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật hoặc của mọi người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Văn bản tự sự (hình ảnh, chi tiết, nhân vật).
- Văn miêu tả.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh họa bài đọc; sưu tầm tranh ảnh, bài thơ, bài văn... về cây đa ở làng quê Việt Nam và những hình ảnh đặc trưng của làng quê Việt Nam.
- Tranh ảnh về bộ phận của cây cối.
- Các ngữ liệu có trạng ngữ chỉ phương tiện (nếu có).

TIẾT 1

GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

GV có thể nói với HS: Các em đã trải qua 1 tuần ôn tập giữa học kì sau khi học qua 2 chủ điểm là: *Sống để yêu thương* và *Uống nước nhớ nguồn*. *Ngựa biên phòng* là bài đọc cuối cùng của chủ điểm *Uống nước nhớ nguồn*. Hai chủ điểm đã mang đến cho các em rất nhiều cảm xúc đẹp về tình thương yêu, về lòng biết ơn. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ ba: *Quê hương trong tôi*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể nói thêm: Tranh chủ điểm có hình ảnh làng quê mộc mạc và thành phố hiện đại. Giữa 2 không gian đó ngăn cách nhau bởi một dòng sông có cây cầu nối hai bờ sông, nối làng quê với thành phố. Cảnh vật là đêm Rằm Trung thu. Vầng trăng vàng óng, tròn vành vạnh trên cao toả ánh sáng cho mọi miền: vùng xuôi hay miền ngược, đồng bằng hay hải đảo, thành phố hay nông thôn,... Đó là quê hương của mỗi người – nơi mình sinh sống và gắn bó. Các bài học sẽ giúp em có thêm những hiểu biết về tình yêu quê hương.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, từng em trình bày ý kiến (*Nói 2 – 3 câu giới thiệu về quê hương em hoặc địa phương em. Cảnh vật nào ở đó khiến em nhớ nhất? Vì sao?*). Có thể mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp. Cả lớp có thể bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời bài *Cây đa quê hương*. Đây là bài viết của giáo sư Nguyễn Khắc Viện khi ông nhớ về quê hương, nhớ về cây đa đã gắn bó với tuổi thơ của ông. Những hình ảnh về cây đa hiện ra qua cảm nhận của tuổi thơ.
- GV có thể giới thiệu thêm những hình ảnh về cây đa.

2. Đọc văn bản

- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn:
 - + Đoạn 1: từ đầu đến *cây đa quê hương*.
 - + Đoạn 2: tiếp theo đến *trong cảnh, trong lá*.
 - + Đoạn 3: còn lại.
- GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *một toà cổ kính, ôm không xuể, nổi lên mặt đất*,...) (GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD:

*Trong vòm lá,/ gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì,/ có khi tưởng chừng như ai cười/
ai nói/ trong cành, /trong lá.//*

*Đây đó,/ ẽnh ương ộp oạp,/ và xa xa,/ giữa cánh đồng,/ đàn trâu bắt đầu ra về,/ lưng
thường từng bước nặng nề,/ nhịp nhàn.//*

+ Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nhớ về cây đa quê hương, nhớ về tuổi ấu thơ.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 HS/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhắm toàn bài 1 lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và hướng dẫn HS hiểu nghĩa của một số từ ngữ khó.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SHS.

Câu 1. *Nghĩ về quê hương, tác giả nhớ nhất hình ảnh nào?*

– GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu 1 trong SHS (hoặc chiếu yêu cầu 1 lên màn hình), cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc chung cả lớp: 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp (VD: Nghĩ về quê hương, tác giả nhớ nhất hình ảnh cây đa quê hương).

– GV có thể nêu thêm câu hỏi “Vì sao hình ảnh cây đa quê hương hiện lên đậm nét nhất trong nỗi nhớ, trí nhớ của tác giả?” và mời một số HS trả lời. Cách giải thích của các em có thể ở các mức độ nhận thức khác nhau, VD: Nghĩ về quê hương, tác giả nhớ đến hình ảnh cây đa. Vì cây đa ở ngay trước xóm./ Vì cây đa rất đổi thân thuộc với tất cả mọi người./ Vì cây đa gắn liền với tuổi thơ của tác giả./ Vì cây đa là nơi tác giả cùng bạn bè chiều nào cũng ra đó hóng mát, chơi đùa./...

Câu 2. *Cây đa quê hương được tả như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi 2. HS có thể ghi kết quả vào giấy nháp, vở bài tập hoặc phiếu học tập (nếu có). Nhóm trưởng có thể phân công mỗi bạn một việc (mỗi bạn tả 1 – 2 bộ phận của cây). VD:

+ 1 bạn tìm từ ngữ/ câu văn miêu tả thân cây và cành cây.

- + 1 bạn tìm từ ngữ/ câu văn tả ngọn cây (đỉnh).
- + 1 bạn tìm từ ngữ/ câu văn tả rễ cây.
- + 1 bạn tìm từ ngữ/ câu văn tả vòm lá.
- HS phát biểu ý kiến trong nhóm. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo trong cách trình bày.
- GV có thể chữa bài chung cả lớp (để HS có cơ hội nhận biết kĩ cách miêu tả cây cối sẽ học trong bài 18 và 20). VD:

	Bộ phận	Từ ngữ/ câu văn miêu tả
Tả cây đa quê hương	Thân cây	một toà cổ kính chín, mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể
	Cành cây	lớn hơn cột đình
	Ngọn cây (đỉnh)	chót vót giữa trời xanh, đến những con quạ đậu trên cao, nhìn cũng chẳng rõ
	Rễ cây	nổi lên mặt đất thành những ụ, những hình thù quái lạ như những con rắn hổ mang giận dữ
	Vòm lá	gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì, có khi tưởng chừng như ai cười ai nói trong cành, trong lá.

- GV nhận xét câu trả lời của HS và cho các em quan sát thêm tranh ảnh về cây đa.

Câu 3. Vì sao tác giả gọi cây đa quê mình là “cây đa nghìn năm”?

- HS làm việc chung cả lớp. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: Dựa vào những từ ngữ, câu văn miêu tả cây đa, em giải thích: Vì sao tác giả gọi cây đa quê mình là cây đa nghìn năm?
- HS được dành thời gian suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV mời một số HS trả lời. Cách giải thích của các em có thể ở các mức độ nhận thức khác nhau, VD: Tác giả gọi cây đa quê mình là cây đa nghìn năm vì cây đa rất to (chín, mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể), cành cây lớn như cột đình, cây đa rất cao (đỉnh chót vót giữa trời xanh), chứng tỏ cây có từ lâu đời./ Tác giả gọi cây đa quê mình là cây đa nghìn năm vì cây trông như một toà cổ kính hơn là một thân cây./...
- GV nhấn mạnh: Tác giả gọi cây đa nghìn năm để khẳng định sự tồn tại, gắn bó lâu đời của cây đa đối với làng quê, đối mỗi người từng sống ở làng quê.

Câu 4. Cây đa quê hương đã gắn bó với tuổi thơ của tác giả như thế nào?

- GV nêu câu hỏi 4. GV có thể hướng dẫn chung cả lớp cách tìm câu trả lời cho câu hỏi này, VD: Tìm những chi tiết nói lên tình cảm gắn bó với quê hương của tác giả luôn có sự hiện diện của cây đa.
- GV mời nhiều em phát biểu. Mỗi em sẽ có những phát hiện riêng, VD:

- + Tác giả nhớ về quê hương, nhớ về tuổi thơ của mình là nhớ đến cây đa quê hương.
- + Tác giả nhớ lại những kỉ niệm thuở ấu thơ gắn bó với cây đa và cảnh vật ở quê hương.
- + Tác giả nhớ rất kĩ những hình ảnh, cảnh vật của quê hương và miêu tả lại (như thể cảnh vật đang hiện ra trước mắt, có màu sắc, âm thanh, dáng hình...).

+ ...

– GV nói thêm: Hình ảnh cây đa, cảnh vật quê hương nhìn từ gốc đa được miêu tả rất chi tiết khiến chúng ta dễ dàng hình dung được màu sắc, đường nét, âm thanh,... của cảnh vật. Điều này chứng tỏ tác giả rất yêu cây đa, rất yêu quê hương thì cảnh vật quê hương mới khắc sâu, in đậm trong trí nhớ như thế.

Câu 5. Những chi tiết, hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng đối với em? Vì sao?

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS phát biểu ý kiến theo cách hiểu, cách cảm nhận của mình.

+ Bước 2: Một số HS phát biểu ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp, GV khen ngợi những HS phát biểu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

– GV có thể nhắc lại những hình ảnh đẹp, đặc biệt về cây đa được miêu tả trong bài hoặc những hình ảnh, cảnh vật làng quê nhìn từ gốc đa: lúa vàng gợn sóng, tiếng ếch ương ộp oạp, đàn trâu lững thững từng bước nặng nề, nhịp nhàn, bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng.

– GV đưa thêm yêu cầu giúp HS bước đầu cảm nhận bài văn tả cây cối: Bài *Cây đa quê hương* có 3 đoạn. Em hãy nêu ý của mỗi đoạn. Mời HS trao đổi theo cặp và xung phong trả lời.

(VD:

Đoạn 1: Giới thiệu về cây đa quê hương.

Đoạn 2: Miêu tả cây đa.

Đoạn 3: Những cảnh đẹp của quê hương nhìn từ gốc cây đa.)

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp: 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN

1. Xếp các trạng ngữ của mỗi câu trong các đoạn văn vào nhóm thích hợp (trạng ngữ chỉ nơi chốn, chỉ thời gian, chỉ phương tiện).

- GV nêu câu lệnh và nhắc cả lớp đọc thầm các đoạn văn, chú ý đọc kĩ các trạng ngữ được in nghiêng.
- HS làm việc cá nhân rồi trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm. 1 HS nêu kết quả, cả lớp nhận xét.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS đã được học trạng ngữ chỉ thời gian, chỉ nơi chốn. Bằng phương pháp “loại trừ”, tức là xác định 2 loại trạng ngữ đã học trước, trạng ngữ còn lại sẽ là trạng ngữ chỉ phương tiện.

Đáp án:

Đoạn	Trạng ngữ chỉ nơi chốn	Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ phương tiện
a	ở vùng sông nước miền Tây	Ngày xưa	Bằng vài cây tre già
b		Từ lâu	Với chiếc nón lá

2. Đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện của mỗi câu.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu (câu lệnh) và 3 HS đọc 3 câu văn.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:
 - + Bước 1: Xác định trạng ngữ chỉ phương tiện trong 3 câu.
 - + Bước 2: Đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu.
- GV có thể hướng dẫn HS làm câu a trước lớp (để làm mẫu) hoặc yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.
- HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm theo 2 bước đã được hướng dẫn.

	Câu	Câu hỏi
a	<i>Bằng lá cọ non phơi khô</i> , người thợ thủ công đã khâu thành những chiếc nón che nắng, che mưa.	<i>Bằng cái gì</i> , người thợ thủ công đã khâu thành những chiếc nón che nắng, che mưa?
b	<i>Với những chiếc khăn piêu kết hợp độc đáo giữa màu sắc và hoa văn</i> , các cô gái Thái đã chứng tỏ sự khéo, đảm đang của mình.	<i>Với cái gì</i> , các cô gái Thái đã chứng tỏ sự khéo, đảm đang của mình?
c	<i>Bằng một số ống tre, nửa thô sơ</i> , người dân Tây nguyên đã làm ra cây đàn t'rưng có âm thanh thánh thót như tiếng chim hót, tiếng suối reo...	<i>Bằng cái gì</i> , người dân Tây nguyên đã làm ra cây đàn t'rưng có âm thanh thánh thót như tiếng chim hót, tiếng suối reo...?

3. Nêu thông tin mà trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung cho câu.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời, mời một số HS khác nhận xét.
- GV thống nhất đáp án và mời 1 – 2 HS đọc ghi nhớ.

4. Tìm từ ngữ thích hợp để hoàn thành các câu có trạng ngữ chỉ phương tiện.

- GV nêu yêu cầu bài tập 3.
- HS làm việc theo nhóm, từng em đưa ra trạng ngữ thích hợp với chỗ trống trong 3 câu.
- GV mời 1 – 2 nhóm lên trình bày trước lớp, HS trong lớp nhận xét kết quả.
- Đáp án: HS có thể có những cách lựa chọn trạng ngữ khác nhau. Dưới đây chỉ là VD:
 - + Câu a: *Bằng hai cặp cánh mỏng/ Bằng những cặp cánh mỏng manh, trong suốt/ Bằng hai đôi cánh bé nhỏ/...*
 - + Câu b: *Bằng chiếc mỏ cứng/ Bằng cái mỏ cứng như thép/...*
 - + Câu c: *Bằng chiếc vòi dài/ Bằng chiếc vòi dài khoảng một mét/ ...*
- GV nhận xét tiết học.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

Có 2 tiết hướng dẫn tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối. Trong tiết thứ nhất này, HS được tìm hiểu cách viết qua việc tìm hiểu bài *Cây sim*, từ đó nhận biết cách tả cây theo từng bộ phận (thân, cành, lá, hoa, quả,...) của cây. Trong tiết thứ hai, HS được tìm hiểu cách tả cây theo trình tự thời gian.

1. Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn *Cây sim* và thực hiện lần lượt 5 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. Trước hết, các em đọc thầm, đọc lướt bài văn và 4 câu hỏi bên dưới. (Dành thời gian cho HS đọc bài tập 1).

Câu a: GV nêu câu hỏi a (*Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài “Cây sim”*) trước khi mời 1 HS đọc bài văn trước lớp. HS đọc xong, GV mời HS phát biểu ý kiến. GV có thể chiếu toàn bộ bài văn trên màn hình (nếu có thể). Đáp án:

- + Mở bài: đoạn 1, gồm 1 câu mở đầu
- + Thân bài: 2 đoạn tiếp theo
- + Kết bài: đoạn còn lại

Câu b: GV yêu cầu HS đọc thầm câu mở đầu, tức là mở bài của bài văn (*Cây sim chắc là có họ với cây mua, chúng đều mọc ở vùng trung du, trên những mảnh đất cằn cỗi*) và cho biết ở phần mở bài, cây sim được giới thiệu như thế nào.

HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm. GV mời 2 – 3 HS trả lời. Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau, VD: Trong phần mở bài, tác giả giới thiệu tên cây (cây sim), nơi sinh sống của cây (những mảnh đất cần cỗi) và loài cây có họ gần với cây sim (cây mua).

Câu c: GV nêu thời gian dành cho việc chuẩn bị trả lời câu hỏi c và hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi c.

– HS em có thể viết câu trả lời của mình ra bảng nhóm/ phiếu học tập của nhóm (nếu có) hoặc viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, phiếu học tập cá nhân (nếu có).

– GV cho HS trình bày sản phẩm hoặc phát biểu ý kiến. VD:

Bộ phận	Đặc điểm được tả	Từ ngữ miêu tả
Hoa sim	Màu sắc	tím nhạt, phơn phớt như má con gái
	Hương vị	không thơm
	Nét riêng	tươi non như một niềm vui cứ lan toả làm cho sườn đồi sỏi đá cũng thêm đáng yêu, đáng mến
Quả sim	Hình dáng	– giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy; sừng trâu là cái tai quả (là đài hoa đã già) – chỉ bằng đốt ngón tay
	Hương vị	ngọt lịm và có dư vị một chút chan chát, mật ngọt
	Màu sắc	tím thắm, màu tím không giống bất cứ một thứ màu tím của quả vườn nào

– GV có thể diễn giải thêm để HS hiểu cách tả hoa, tả quả: Tác giả còn lí giải theo cách của mình về màu tím đặc biệt của quả sim (Chắc khi hoa sim tàn đi làm quả, màu tím đọng lại từng tí một, thành thứ mật ngọt tím thắm ấy. Cả nắng gió trên đồi, cả mưa cũng không chịu tan đi, cứ tích lũy lại, thành ra màu tím không giống bất cứ một thứ màu tím của quả vườn nào.)

– GV lưu ý HS:

+ Để tả được các đặc điểm của hoa sim, quả sim, tác giả phải quan sát rất kĩ từng bộ phận của cây. VD: Tác giả quan sát các bộ phận của cây bằng nhiều giác quan. Không chỉ huy động các giác quan vào việc quan sát, cảm nhận đặc điểm của cây cối, tác giả còn liên tưởng, tưởng tượng, so sánh, suy luận,... (về màu hoa, về hình dáng, hương vị, màu sắc của quả).

+ Bài văn có những hình ảnh so sánh giúp người đọc dễ dàng cảm nhận/ hình dung được đặc điểm của cây/ gợi cho người đọc những liên tưởng thú vị/...

VD:

Nếu hoa mua có màu tím hồng thì hoa sim tím nhạt, phơn phớt như má con gái. Tuy nó không thơm nhưng lại tươi non như một niềm vui cứ lan toả làm cho sườn đồi sỏi đá cũng thêm đáng yêu, đáng mến.

Quả sim giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy.

Câu d: GV nêu câu hỏi d (Phần kết bài nói về điều gì? Tình cảm của người viết đối với cây sim được thể hiện qua chi tiết nào?)

– HS làm việc theo cặp: suy nghĩ, trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời 1 HS đọc phần kết bài *Cây sim* (Đi chơi trên đồi, leo dốc này vượt dốc khác, tìm thấy bụi sim, hái quả chín mà ăn, đúng là bất được thú của trời cho, đầy ngon lành, hứng thú, về nhà vẫn còn nhớ mãi.).

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau, VD: Phần kết bài nêu ấn tượng của tác giả về niềm vui cây sim đem đến cho tuổi thơ./ Tác giả một lần nữa khẳng định hương vị của quả sim chín đã để lại ấn tượng không thể phai mờ trong tâm trí nhiều người./ Cây sim đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ trong lòng bao người./...

– GV có thể nói với HS về cấu tạo của bài văn miêu tả cây sim:

+ Mở bài: Giới thiệu khái quát về cây sim (tên cây, nơi sinh sống của cây).

+ Thân bài: Tả đặc điểm của hoa sim, quả sim (màu sắc, hình dáng, hương vị,...)

+ Kết bài: Tiếp tục khẳng định đặc điểm đáng quý của cây/ ấn tượng của tác giả về cây.

– GV có thể nêu câu hỏi: Tình cảm của tác giả đối với cây sim được bộc lộ qua những chi tiết nào? (HS trao đổi nhóm và phát biểu trước lớp. VD: Tình cảm của tác giả thể hiện tinh tế qua việc cảm nhận và miêu tả vẻ đẹp của màu hoa, hình dáng, hương vị, màu sắc của quả, qua việc diễn tả ấn tượng khi ăn quả sim chín, qua việc khẳng định quả sim chín là “thứ của trời cho”...).

2. Trao đổi về cách viết bài văn miêu tả cây cối.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc thầm, đọc lướt lại bài *Cây sim*, chỉ ra những điểm cần lưu ý trong bài văn miêu tả cây cối.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả cây cối:

+ Bài văn miêu tả cây cối thường có 3 phần: mở bài (giới thiệu cây), thân bài (tả đặc điểm của các bộ phận của cây), kết bài (nêu ích lợi của cây, ấn tượng đặc biệt của mình về cây hoặc tình cảm đối với cây).

- + Trước khi viết bài văn miêu tả em cần quan sát cây để nhận biết các đặc điểm nổi bật của cây.
- + Khi viết, em nên sử dụng các từ chỉ đặc điểm, biện pháp so sánh, nhân hoá,...
- + Bài văn tả cây cối nên có những từ ngữ, câu văn bộc lộ rõ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với cây.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

- Tìm đọc các bài văn miêu tả cây cối.
- + Cây liễu dẻo dai (*Tiếng Việt 1, tập hai*)
- + Cây xấu hổ (*Tiếng Việt 2, tập một*)
- + Tiếng vườn (*Tiếng Việt 3, tập hai*)
- + ...
- Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập. GV nhắc HS có thể trao đổi với người thân để có thể tìm được nhiều bài viết về cây cối.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 17:
- + Đọc – hiểu: *Cây đa quê hương*.
- + Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ phương tiện.
- + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối.
- GV hỏi HS thấy nhớ nhất, hiểu nhất nội dung nào của Bài 17.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dẫn dò HS đọc trước Bài 18.

BÀI 18 BƯỚC MÙA XUÂN (4 TIẾT)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bước mùa xuân*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của cảnh vật khi đất trời đang chuyển dần sang mùa xuân.
b. Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật trong mùa xuân gắn với thời gian, không gian

(địa điểm) cụ thể; bước đầu hiểu được những cảm nhận tinh tế của tác giả qua những sự đổi thay của cảnh vật khi mùa xuân đang tới; thấy được tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, làng cảnh Việt Nam mà tác giả gửi gắm qua tác phẩm.

2. Nhận biết được cách viết bài văn miêu tả cây cối (cấu tạo bài văn, trình tự miêu tả,...).
3. Nói theo chủ đề *Những miền quê yêu dấu*, nêu được những hình ảnh đặc sắc, tiêu biểu về quê hương.
4. Biết rung động trước những cảnh đẹp của quê hương, đất nước, biết bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình đối với quê hương.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ...).
- Văn miêu tả.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.
- Tranh ảnh minh hoạ thêm về cảnh vật mùa xuân.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 3 HS đọc nối tiếp bài *Cây đa quê hương* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Nêu ý chính của mỗi đoạn trong bài *Cây đa quê hương*). HS cần nêu được: đoạn 1: giới thiệu về cây đa quê hương; đoạn 2: miêu tả cây đa; đoạn 3: những cảnh đẹp của quê hương nhìn từ gốc cây đa.

ĐỌC

1. Khởi động

- HS làm việc theo nhóm, từng em trả lời câu hỏi: *Dấu hiệu nào của thời tiết giúp em nhận ra mùa xuân đang về, Tết sắp đến?*
 - 1 – 2 em trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp nhận xét và trao đổi để hiểu rõ điều bạn chia sẻ.
 - GV giới thiệu nội dung tranh minh hoạ bài thơ (Vườn hoa cải bên sông).
- Bức tranh minh hoạ cho bài thơ *Bước mùa xuân*. Các em sẽ thấy bài thơ gợi ra bước đi của mùa xuân: mùa xuân đang về khắp nơi nơi...

2. Đọc văn bản

- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi ra sắc màu của cảnh vật trong mùa xuân). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.
- GV hướng dẫn đọc:
- + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD:

Nụ xòe tay hứng

Giọt nắng trong veo

Gió thơm hương lá

Gọi mầm vườn theo...

(GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS mắc lỗi cụ thể khi đọc bài.)

- + Đọc diễn cảm những câu thơ thể hiện sự tươi vui, náo nức của cảnh vật thiên nhiên khi xuân về:

Chuyển trong vòm lá

Chim có gì vui

Mà nghe riu rít

Như trẻ reo cười.

- 2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp.
- HS làm việc cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ.
- HS làm việc cá nhân toàn bài 1 lượt (đọc thầm).

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.

Câu 1. Trong bài thơ, những từ ngữ nào gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân?

- GV yêu cầu 1 HS đọc câu hỏi 1 (hoặc chiếu câu hỏi lên màn hình), cả lớp đọc thầm theo.
- GV giới thiệu: Những hiện tượng thiên nhiên cho biết mùa xuân về, mùa xuân mang đến sự đổi thay cho muôn vật, đó là: mưa, nắng, gió. Ở một số bài học ở lớp 2 và lớp 3, các em đã biết được một số đặc điểm tiêu biểu của mùa xuân. Dựa vào những hiểu biết đó, khi đọc bài thơ Bước mùa xuân, các em sẽ nhận ra được những đặc điểm của cảnh vật thiên nhiên mùa xuân.
- GV nêu cách thức thực hiện:
- + Bước 1: HS làm việc cá nhân. Đọc đọc thầm, đọc lướt toàn bộ bài thơ, tìm chi tiết để trả lời câu hỏi.
- + Bước 2: HS làm việc theo cặp (hỏi – đáp lần lượt về từ ngữ/ dòng thơ tả nắng – mưa – gió, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

Đáp án:

Nắng	Nụ xoè tay hứng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng
Mưa	Mưa giăng trên đồng, uốn mềm ngọn lúa
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá / Gọi mầm vườn theo

– GV nhắc lại: Bài thơ gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân. Mưa – uốn mềm ngọn lúa; gió xuân nhẹ thổi làm hoa xoan rải tím mặt đường; Nắng xuân ấm áp gọi mầm vườn theo/ nụ xoè tay hứng nắng/ cỏ cũng xanh với nắng,...).

Câu 2. *Tìm những chi tiết cho thấy cảnh vật mùa xuân hiện ra rất sinh động.*

– GV yêu cầu HS tự đọc câu hỏi 2 và những gợi ý.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi: Trong bài thơ, cảnh vật mùa xuân được cảm nhận bằng nhiều giác quan. Tìm những từ ngữ, hình ảnh tả vẻ đẹp của mùa xuân thể hiện điều đó. GV nhắc HS: Dựa vào gợi ý để thực hiện yêu cầu. Có thể ghi kết quả vào giấy nháp, vở bài tập hoặc phiếu học tập (nếu có). Nhóm trưởng có thể phân công mỗi bạn một việc (mỗi bạn tìm sự cảm nhận của một giác quan). VD:

+ 1 bạn tìm từ ngữ gợi tả màu sắc.

+ 1 bạn tìm từ ngữ gợi tả âm thanh.

+ 1 bạn tìm từ ngữ gợi tả hương vị.

+ 1 bạn tìm từ ngữ gợi tả hoạt động

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. HS có thể trình bày như sau:

Cảnh vật có màu sắc	hoa xoan tím, giọt nắng trong veo, cỏ xanh, hoa cải vàng, hoa vải trắng
Cảnh vật có hương vị	gió thơm hương lá, hoa vải thơm lừng bên sông
Cảnh vật có âm thanh	đế mèn hăng giọng, chim riu rít như trẻ con cười, mùa xuân đang nói, xôn xao, thầm thì...
Cảnh vật có sự chuyển động	nụ xoè tay hứng nắng, gió gọi mầm cây vườn lên, chim chuyển trong vòm lá, ong bay, chỗ nào cũng gặp bước mùa xuân đi

– GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo trong cách trình bày.

Câu 3. *Em thích cảnh vật miêu tả trong khổ thơ nào nhất? Vì sao?*

– GV nhắc HS trả lời câu hỏi theo cảm nhận của bản thân. Các ý kiến riêng của mỗi người đều được trân trọng.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm: từng em trình bày, chia sẻ ý kiến riêng của mình.

Câu 4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua nhan đề bài thơ?

– GV/ HS nêu câu hỏi 4. HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình. VD: Bài thơ có nhan đề *Bước mùa xuân*, gợi ra bước đi của mùa xuân, gợi ra khoảnh khắc mùa xuân đang về khắp nơi. Chỗ nào, nơi nào cũng có hình bóng của mùa xuân, sức sống của mùa xuân, hương vị mùa xuân,...

– GV nói thêm: Mùa xuân đi tới đâu làm cảnh vật đổi thay tới đó: trên cánh đồng lúa có mùa xuân giăng giăng, trên con đường rải đầy hoa xoan tím, ở bãi phù sa ven sông với vườn hoa cải vàng rực, rừng vải nở hoa trắng ngần... Đường như mọi sự vật đều thay đổi, dạt dào sức sống khi xuân về hơn khi xuân về.

4. Học thuộc lòng

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân:

+ HS tự học thuộc lòng bài thơ: Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ. Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên), góp ý và nhận xét.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tùy vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp:

Câu 1. Tìm những từ ngữ gợi cảnh vật quen thuộc ở làng quê trong 2 đoạn thơ.

Đáp án:

+ Đoạn thơ của tác giả Tế Hanh: con sông xanh biếc, những hàng tre, lòng sông lấp lánh

+ Đoạn thơ của Nguyễn Văn Song: sân đình, làng, mái đình cong, giếng làng

Câu 2. Tìm những từ ngữ có nghĩa giống với từ “quê hương”. Đặt câu với từ ngữ tìm được.

+ Từ ngữ có nghĩa giống với từ “quê hương”: quê nhà, làng quê, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê quán,...

+ Đặt câu (HS tự làm).

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (tiếp theo)

Trước khi tìm hiểu bài mới, GV cho nhắc lại bài văn tả cây sim: Cây sim được tả như thế nào? Em có ấn tượng với chi tiết nào trong bài văn miêu tả cây sim?

1. Đọc bài văn và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn *Cây cà chua* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d.

– HS đọc thầm đoạn văn tả cây cà chua (ruộng cà chua) và tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. Sau khi HS thống nhất câu trả lời, GV mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp, mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

– HS có thể trình bày các câu trả lời như sau (có thể viết vào vở hoặc phiếu học tập):

+ **Câu a.** Tìm phần Mở bài, thân bài, kết bài của bài văn *Cây cà chua* và nêu ý chính của từng phần.

Bài văn có 4 đoạn:

Mở bài	Đoạn 1	Giới thiệu bao quát về ruộng cà chua (<i>nơi trồng, thời điểm cà chua chín</i>), công lao người vun trồng (<i>khiến cho cà chua lớn lên trông thấy</i>), ấn tượng chung về ruộng cà chua (<i>ruộng cà chua đẹp từ lúc trồng đến khi thu hái</i>).
Thân bài	Đoạn 2 và 3	Miêu tả đặc điểm của cây cà chua theo các thời kì phát triển.
Kết bài	Đoạn 4	Bày tỏ cảm nghĩ về quả cà chua (<i>cà chua có mặt trong bữa ăn của mọi nhà, là thứ quà bình dị của trẻ em vùng đất bãi</i>).

+ **Câu b.** Trong phần thân bài, đặc điểm của cây cà chua được miêu tả theo trình tự nào?

Cây gạo được tả theo trình tự thời gian (các thời kì sinh trưởng, phát triển của cây): khi cây còn đang lớn (vươn ngọn, toả tán, lá cành phủ kín ruộng) → ra những chùm hoa → hoa sai chi chít → hoa rụng → ra những chùm quả non (quả non) → quả xum xuê, chi chít → quả chín.

+ **Câu c.** Sắp xếp các chi tiết theo trình tự phát triển của cây cà chua.

vươn ngọn → toả tán → nở hoa → ra quả → quả chín

+ **Câu d.** Trong bài văn, chi tiết nào cho thấy tác giả tả cây kết hợp với tả những sự vật có liên quan đến cây?

Các chi tiết: “*Nắng gửi thêm màu đẹp trên hoa.*”; “*Nắng lại đến tạo vị thơm vị mát tụ dần trong quả.*”. Nắng là hiện tượng thiên nhiên có tác động đến cây cà chua. Nắng làm cho sắc hoa cà chua thêm đẹp. Nắng giúp cho quả cà chua có vị thơm mát.

– GV nói với HS: Các em đã tìm hiểu 2 trình tự tả cây: tả theo bộ phận của cây hoặc tả cây theo thời gian (theo từng thời kì phát triển của cây) hoặc theo mùa xuân – hạ – thu – đông hay từng buổi trong ngày. Nhưng khi tả cây theo trình tự thời gian, vẫn kết hợp tả các bộ phận của cây.

2. Em học được những gì về cách tả cây cối từ bài văn *Cây cà chua*?

– HS làm việc cá nhân: đọc lại bài *Cây cà chua*, trả lời câu hỏi (có thể viết ra những điều học tập được về cách tả cây). VD

+ Trình tự miêu tả cây (từ lúc cây mới mọc đến lúc cây ra quả,...).

+ Cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá khi tả lá, tả hoa, tả quả.

+...

– HS làm việc theo nhóm: từng thành viên trình bày ý kiến.

– GV nhắc lại cách tả cây sim (tả lần lượt từng bộ phận của cây) và cách tả cây cà chua (theo các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây), sau đó mời 2 – 3 HS đọc Ghi nhớ.

– GV nhắc nhở thêm:

+ Trước khi viết bài văn miêu tả cây cối, em cần quan sát cây để nhận biết các đặc điểm nổi bật của cây.

+ Khi viết, em nên sử dụng các từ chỉ đặc điểm (về màu sắc, hình dáng, hương vị,...), biện pháp so sánh, nhân hoá để làm nổi bật đặc điểm của cây.

+ Bài văn tả cây cối nên có những từ ngữ, câu văn bộc lộ rõ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với cây.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG MIỀN QUÊ YÊU DẤU

Yêu cầu: Em hãy giới thiệu về một miền quê em yêu mến.

1. Chuẩn bị

– GV nêu yêu cầu của giờ luyện nói:

– HS đọc các gợi ý.

– GV nói với HS: Qua bài *Cây đa quê hương*, các em đã hiểu phần nào cách kể, cách nói về quê hương. Dựa vào những gợi ý và tranh minh hoạ, các em hãy giới thiệu về

một miền quê mình yêu mến. Đó có thể là quê nội, quê ngoại hoặc miền quê mình đang sống, miền quê mình có dịp ghé thăm.

– HS chuẩn bị nội dung trình bày (có thể viết các ý sẽ trình bày ra vở, ra giấy nháp).

2. Giới thiệu về miền quê em yêu mến theo nội dung đã chuẩn bị.

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em giới thiệu về miền quê mình yêu mến.

+ Cả nhóm chú ý lắng nghe và có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn điều bạn nói.

– GV nhắc thêm: Khi nói, các em cố gắng nói rõ ràng, thể hiện tình cảm của mình đối với miền quê đó.

3. Lắng nghe và trao đổi.

– HS dựa vào gợi ý để đưa ra nhận xét, góp ý cho nhau (về nội dung trình bày, về giọng nói, ngữ điệu,...).

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS mạnh dạn nói trước lớp hoặc mạnh dạn góp ý, đề xuất ý kiến.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

– Chia sẻ với người thân thông tin về những miền quê em hoặc bạn đã giới thiệu.

– Tìm đọc sách báo viết về quê hương, đất nước. GV gợi ý HS có thể đọc lại các bài đã học trong sách Tiếng Việt (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) như:

+ Trên các miền đất nước (*Tiếng Việt 2, tập hai*)

+ Cánh rừng trong nắng (*Tiếng Việt 3, tập một*)

+ Núi quê tôi (*Tiếng Việt 3, tập hai*)

– ...

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 18:

+ Đọc – hiểu: *Bước mùa xuân* (Mọi sự vật đều thay đổi, dạt dào sức sống khi xuân về hơn khi xuân về).

+ Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối (Có thể miêu tả cây cối theo các trình tự khác nhau)

+ Nói – nghe: Những miền quê yêu dấu.

– GV hỏi HS thấy nhớ nhất, hiểu nhất nội dung nào của Bài 18.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn dò HS đọc trước Bài 19.